

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 22/6/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Lam;

2. Bà Nguyễn Thị Diễm Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Khắc Phong - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Y, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Nhà trọ Đ, thôn S, xã ĐR, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái S, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Cơ sở thu mua phế liệu cạnh số nhà 53 thôn Suối Thông B1, xã ĐR, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Y trình bày: chị và anh Nguyễn Thái S xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống năm 2006 tại huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận và chung sống hạnh phúc đến năm 2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn S, huyện Ninh S, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 01/02/2012. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau thường xuyên và bất đồng ý kiến. Anh S có tính gia trưởng, thường xuyên đánh đập chị. Không khí gia đình ngày càng căng thẳng, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù hai vợ

chồng nhiều lần cùng nhau tìm cách giải quyết hàn gắn hạnh phúc nhưng đều không có kết quả nên từ tháng 01/2019 cho đến nay chị Y thuê nhà trọ sống riêng cùng hai con. Anh S thuê nhà trọ sống riêng. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Chị cho rằng mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Chị xác định không còn tình cảm với anh S nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Y trình bày chị và anh S có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Nhật D, sinh ngày 03/02/2007 và cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày: 27/6/2011. Cả hai con đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Nguyên vọng của chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Y trình bày chị và anh S không có nợ chung và đề nghị tự thỏa thuận giải quyết với anh S về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc giải quyết ly hôn, nuôi con chung và vấn đề tài sản chung, nợ chung. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên có vi phạm thời gian giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Huỳnh Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Thái S; về con chung: giao cháu Nguyễn Huỳnh Nhật D và Nguyễn Huỳnh Trâm A cho chị Huỳnh Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu nên không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung chị Y không yêu cầu giải quyết, anh S không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay để thể hiện ý kiến của mình nên không xem xét đến. Về án phí: chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Y và anh Nguyễn Thái S. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã ĐR, huyện ĐD nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Y có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do bị đơn anh Nguyễn Thái S thường xuyên vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt anh Nguyễn Thái S theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thái S đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho anh S theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp, xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị Y và anh S kết hôn với nhau tự nguyện năm 2006 và đã được UBND xã Nhơn S, huyện Ninh S, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 01/02/2012. Thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh S là hợp pháp.

Theo chị Y, chị và anh S sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh S thường hay đánh đập chị. Mặc dù chị đã nhiều lần cùng anh S tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng đều không có kết quả. Trên thực tế, chị và anh S đã không chung sống cùng nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Theo ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ - người quản lý và cho anh S thuê căn nhà (bên cạnh số nhà 53 thôn Suối Thông B1) để sử dụng làm cơ sở thu mua phế liệu thì trước đây bà cho anh S và chị Y thuê căn nhà trên để ở nhưng sau đó chị Y và anh S mâu thuẫn nên chị Y đã ra thuê nhà trọ ở riêng. Còn anh S tiếp tục thuê căn nhà này để ở và thu mua phế liệu. Chứng tỏ chị Y và anh S hiện không chung sống cùng nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu anh S đến Tòa án làm việc tuy nhiên anh S vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc chị Y thuê nhà trọ sống riêng cùng hai con nhưng anh S không quan tâm, bỏ mặc, không có tác động để chị Y trở về chung sống và xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những tình tiết trên có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh S là có thật, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, cho chị được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị Y cho rằng chị và anh S có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Nhật D, sinh ngày 03/02/2007 và cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày: 27/6/2011. Theo bản sao các giấy khai sinh do chị Y cung cấp cho Tòa án thể hiện cả cháu D và cháu A là con chung của anh S và chị Y. Theo sổ tạm trú thể hiện ngoài cháu D và cháu A thì chị và anh S không còn có con

chung nào khác. Về việc nuôi con chung, chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến sự đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hiện tại cả cháu D và cháu A đều đã trên 7 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu D và cháu A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Thực tế, cháu D và cháu A đều đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, chị Y đang làm công nhân có thu nhập ổn định và có thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Từ tháng 01/2019 đến nay, một mình chị Y vẫn có thể nuôi dưỡng cả hai con dù không có anh S chu cấp. Anh S cũng không có mặt tại toà án để bày tỏ nguyện vọng của mình về việc nuôi con chứng tỏ anh bỏ mặc không có trách nhiệm với các con của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con chung là D và cháu A cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện hoàn cảnh thực tế của các bên và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A và cháu D.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị Y không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 179, 205, 207, 220, 228, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Y. Cho chị Huỳnh Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Nhật D, sinh ngày 03/02/2007 và cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 27/6/2011 cho chị Huỳnh Thị Y trực tiếp

nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0016050 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Thái S không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Y có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thái S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã Nhơn S, huyện Ninh S, tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Anh Vũ